

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 51/2022/HS-ST

Ngày 13-4-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé, Giáo viên Trường Trung cấp nghề Cử Chi.
2. Ông Lê Văn Rồi, Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Như Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 257/2021/TLST-HS ngày 28/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HS ngày 15/2/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/HSST-QĐ ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/HSST-QĐ ngày 23/3/2022 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh ngày 09/8/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 555 Đường N, Tổ 17, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 2/12; con ông Phạm C và bà Thạch Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam từ ngày 26/02/2021 đến nay.

Bị hại: Cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2006 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Bà Võ Thị T, sinh năm 1987 (mẹ ruột cháu T); cùng địa chỉ: Số 60 Đường 64, Tổ 14, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T: Bà Trần Thị H, sinh năm 1983 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đức T và cháu Nguyễn Thị Huyền T (sinh ngày 06/02/2006) quen biết nhau trên mạng xã hội Facebook và có quan hệ tình cảm từ tháng 7/2020. Trong thời

gian quen nhau, bị cáo T đã quan hệ tình dục với cháu T 13 (mười ba) lần trong tháng 9/2020, cụ thể:

Lần thứ 1: T và bị cáo T thuận tình quan hệ tình dục với nhau tại phòng ngủ của T ở Số 555 Đường N, Tổ 17, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh 03 (ba) lần.

Lần thứ 2: T và bị cáo T thuận tình quan hệ tình dục với nhau tại Phòng số 41 Nhà nghỉ H ở ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) lần.

Sau đó, T và bị cáo T thuận tình quan hệ tình dục với nhau tại các địa điểm: Khách sạn C (Áp 6, xã P, huyện C), Nhà nghỉ Q (Áp 5, xã P, huyện C); Khách sạn P (ấp C, xã T, huyện C) 09 (chín) lần.

Đến ngày 24/11/2020, bà Võ Thị T (mẹ của T) phát hiện cháu T có thai và làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 230 ngày 25/12/2020 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với Nguyễn Thị Huyền T: Màng trinh dẫn rộng, không rách; thấy tinh trùng trong dịch phết âm đạo, vùng âm hộ và vùng hậu môn; hiện diện ADN một người nam trong dịch phết âm đạo, vùng âm hộ và vùng hậu môn đủ cơ sở so sánh với ADN của đối tượng; hiện đương sự đang có túi thai sớm trong lòng tử cung khoảng 04 tuần.

Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.400A-2020 ngày 28/01/2021 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với Nguyễn Thị Huyền T: Trong mẫu phết dịch âm đạo của Nguyễn Thị Huyền T có hiện diện ADN người nam, đủ làm cơ sở so sánh đối chiếu với ADN của đối tượng; ADN của Phạm Đức T có hiện diện trong mẫu phết dịch âm đạo của Nguyễn Thị Huyền T.

Phiếu siêu âm ngày 22/01/2021 tại nhà bảo sanh Minh Vân của Nguyễn Thị Huyền T kết luận: Một thai sống trong lòng tử cung #11 tuần 05 ngày (+01 tuần), dự sinh #08/8/2021

Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.400B-2020 ngày 30/08/2021 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nguyễn Thị Huyền T là người mẹ sinh học của bé trai; Phạm Đức T là người cha sinh học của bé trai.

Về vật chứng của vụ án: Không thu giữ.

Tại Cơ quan điều tra, bà Võ Thị T yêu cầu bị cáo T bồi thường chi phí khám thai, sinh con và chăm sóc sức khỏe cho cháu T số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Tại phiên tòa, bà T có Đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, theo đó yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại cho cháu T do sức khỏe bị xâm phạm khi mang thai và sinh con với số tiền 24.500.000 (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cháu T bị xâm phạm với số tiền 19.900.000 (mười chín triệu chín trăm nghìn) đồng; tổng cộng là 44.400.000 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. Bên cạnh đó, bà yêu cầu bị cáo cấp dưỡng nuôi con chung của bị cáo với cháu T, tên khai sinh là Nguyễn Phạm Minh Đ, sinh vào ngày 06/8/2021 với mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, bắt đầu từ tháng 8/2021 đến khi cháu Minh Đ tròn 18 tuổi. Đồng thời, bà cũng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa đổi bản thân, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung với cháu T.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 08/CT-VKS.CC ngày 23/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Đức T về

tội “Giao cấu với người từ đủ mười ba tuổi đến dưới mười sáu tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố đã đưa ra chứng cứ để buộc tội bị cáo Phạm Đức T về tội “Giao cấu với người từ đủ mười ba tuổi đến dưới mười sáu tuổi”. Kiểm sát viên phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ mười ba tuổi đến dưới mười sáu tuổi”.

Về phần dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi như cáo trạng truy tố, không trình bày bào chữa, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo biết lỗi và nhận trách nhiệm đối với hành vi của mình gây ra, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T. Lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi đến gia đình bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội trở về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà cháu T đã sinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T trình bày quan điểm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cháu T: Thống nhất với tội danh và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Về phần dân sự, bị cáo chấp nhận bồi thường và cấp dưỡng theo yêu cầu của đại diện bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét thấy bà T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi; của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T được thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bị cáo T và cháu T (sinh ngày 06/02/2006) có quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 7/2020. Trong thời gian quen nhau, bị cáo T đã quan hệ tình dục với cháu T nhiều lần dẫn đến cháu T có thai và sinh con vào ngày 06/8/2021.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi giao cấu với người từ 13 đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật và phải chịu trách nhiệm hình sự. Song, để thỏa mãn nhu cầu dục vọng của bản thân, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu T khi biết

cháu T chưa đủ 16 tuổi (14 tuổi 08 tháng) làm cháu T mang thai và sinh con vào ngày 06/8/2021. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” với tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” và “làm nạn nhân có thai” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Trong thời gian qua, tình trạng tội phạm xâm hại tình dục có xu hướng gia tăng, nhiều vụ việc nghiêm trọng xảy ra gây bức xúc trong dư luận xã hội. Hành vi của bị cáo T đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến thể chất, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu T được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo thực hiện, đảm bảo tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[5] Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình gây ra; bị cáo được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí khám thai, sinh con, chăm sóc sức khỏe cho cháu T với số tiền là 44.400.000 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng và phải cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Phạm Minh Đ, sinh ngày 06/8/2021 mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi. Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ mười ba tuổi đến dưới mười sáu tuổi”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức T 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2021.

2. Áp dụng Điều 590, Điều 592 của Bộ luật Dân sự; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho cháu Nguyễn Thị Huyền T số tiền là 44.400.000 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Phạm Minh Đ, sinh ngày 06/8/2021 mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, thi hành từ tháng 8 năm 2021 đến khi cháu Minh Đ tròn 18 (mười tám) tuổi.

Kể từ ngày cháu T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 2.220.000 (hai triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Đương sự (03);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (05);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Sơn Hà